TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **287**/2025/DS-PT
Ngày: 12 – 6 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1519/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 1786/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: B, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Tuyết M, sinh năm: 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: B, khu phố C (nay là khu phố A), phường E (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 867, tổ D, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Huỳnh Tuyết M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2024 của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Do có quen biết với bà M nên ông có cho bà M mượn tiền nhiều lần. Cụ thể vào các lần như sau:

- Vào ngày 21/01/2021, bà M mượn 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng).* Bà M có thỏa thuận là khi nào vay được tiền của Ngân hàng sẽ trả lại cho ông. Bà M ghi giấy tay mượn tiền. Trong giấy tay có con của bà M là Phí Công Minh Đ cùng ký tên với bà M.

- Vào ngày 04/6/2021, bà M mượn 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng).* Thời hạn là 3 tháng. Bà M có ghi giấy tay mượn tiền nhưng không có ghi lãi suất.

- Vào ngày 25/6/2021, bà M mượn tiếp số tiền là 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng).* Lần nhận tiền này, bà M và ông gom tổng cộng chung số tiền bà M đã nhận của ông là 280.000.000đ *(Hai trăm tám mươi triệu đồng)* và tính lãi 4 tháng kế tiếp là 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* mới thành số tiền là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng).* Bà M đồng ý viết giấy tay "Biên nhận mượn tiền" với tổng số tiền mượn là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng).*

Giữa ông và bà M có thỏa thuận bà M sẽ trả lãi cho ông theo lãi suất của Ngân hàng nhưng kể từ ngày bà M viết biên nhận mượn tiền cho đến nay, bà M không đóng lãi và cũng không trả vốn. Nhiều lần ông có yêu cầu bà M trả lại tiền gốc cho ông nhưng bà M không trả. Do đó, ông có yêu cầu bà M có nghĩa vụ phải trả lại cho ông số tiền gốc là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* như đã thỏa thuận, ông có yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1.66%/tháng với số tiền lãi tạm tính từ 25/10/2021 đến 02/12/2024 là 190.568.000đ *(Một trăm chín mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ sau ngày 02/12/2024.

Tại phiên hòa giải, ông H đồng ý tính lãi theo lãi suất ngân hàng là 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính kể từ ngày 25/10/2021 đến khi bà M trả xong nợ cho ông.

Đối với chứng cứ ban đầu mà ông cung cấp cho Tòa án, ông không có cung cấp 2 giấy tay nhận nợ của bà M vào ngày 21/01/2021 và giấy tay vào ngày 04/6/2021 vì ông cho rằng giấy tay nhận tiền của bà M vào ngày 25/6/2021 là giấy tay sau cùng, bà M thừa nhận số nợ tổng là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng).* Bà M yêu cầu ông cung cấp chứng cứ của 02 lần vay trước nên ông bổ sung thêm 02 giấy tay nhận nợ của bà M.

Ông đồng ý theo giấy tay lần mượn 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng)* có con của bà M cùng ký tên trong giấy tay nhận tiền là Phí Công Minh Đ. Tuy nhiên, đến lần thứ 3, bà M và ông đều thống nhất không đưa con bà M vào việc có nghĩa vụ trả tiền cho ông. Bà M đồng ý nhận nợ và đồng ý trả nên ông cũng đồng ý không đưa con bà M là Phí Công Minh Đ vào có nghĩa vụ trả nợ cho ông. Ông chỉ yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Khi nhận tiền của ông, bà M có giao cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của bà M đối với thửa đất 56, tờ bản đồ 21 diện tích là 970m^2 tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Tuyết M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Ông đồng ý khi nào bà M trả xong nợ cho ông

thì ông sẽ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà M.

Tại phiên tòa, ông H đồng ý theo phương án hòa giải trước đây mà giữa ông và bà M đã thỏa thuận: ông đồng ý bà M có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền là 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)* bao gồm: 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* theo "giấy nhận mượn tiền" đề ngày 25/6/2021 và 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* là tiền lãi. Ông đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M giao cho ông làm tin, hiện bà M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản khai ngày 11/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Huỳnh Tuyết M trình bày:

Bà đồng ý có vay tiền của ông H hai lần như lời của ông H trình bày là bà có ghi giấy tay nhận nợ với số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* vào các ngày 21/01/2021 và ngày 04/6/2021. Sau đó, bà có mượn thêm số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng. Tổng cộng tiền vay bà nhận từ ông H là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Đối với hai lần vay đầu với lãi suất 20%/tháng. Bà thừa nhận cả 3 giấy tay ghi giấy nhận tiền đều là do bà ghi và bà thừa nhận. Đến ngày 25/6/2021, bà không có đóng lãi cho ông H nên ông H có yêu cầu bà viết giấy mượn tiền tổng cộng là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) bao gồm: 170.000.000đ *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)* tiền vốn, cộng với tiền lãi lên đến số tiền là 280.000.*000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).* Ông H có yêu cầu bà đóng thêm 04 tháng lãi nữa (đến tháng 10/2021) cho đủ số tiền là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* nên giấy nhận mượn tiền tổng cộng là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng).* Bà vẫn đồng ý cho đến thời điểm ngày 25/6/2021 số tiền bà còn nợ của ông H là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng).*

Trong giấy nhận nợ 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* có tên con của bà là Phí Công Minh Đ cùng ký giấy nhận nợ nhưng đến thời điểm vào ngày 25/6/2021, bà và ông H đồng ý chỉ có một mình bà vay mượn tiền của ông H và thỏa thuận không đưa con bà vào việc vay mượn tiền của ông H.

Theo yêu cầu của ông H, bà đồng ý trả cho ông H số tiền là 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng),* bao gồm: 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* theo giấy nhận mượn tiền và 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* là tiền lãi. Tuy nhiên, hiện nay bà rất khó khăn nên không thể trả nổi số tiền theo yêu cầu của ông H, bà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* cho đến khi dứt nợ. Trường hợp ông H không đồng ý trả dần thì bà yêu cầu cắt đất để trừ nợ như thỏa thuận trước đây giữa bà với ông H.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 05/03/2025 của Tòa án

nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu buộc bà Huỳnh Tuyết M phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là tiền lãi.

2. Buộc bà Huỳnh Tuyết M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H tổng số tiền là: 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), gồm: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Tuyết M chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà M còn phải trả cho ông H số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/03/2025, bị đơn bà Huỳnh Tuyết M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 05/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre về phần phương thức trả nợ. Bà M không đồng ý trả một lần và yêu cầu xem xét lại thỏa thuận cắt đất để trừ tiền nợ trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Tuyết M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Tuyết M; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 05/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Tuyết M; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Tuyết M kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Tuyết M, nhận thấy:

Theo giấy "Biên nhận mượn tiền" ngày 25/6/2021 có nội dung bà M có nhận của ông H số tiền là 300 triệu đồng, có thế chấp sổ QSDĐ, tại cấp sơ thẩm bà M cũng đồng ý đến thời điểm ngày 25/6/2021 số tiền bà còn nợ ông H là 300 triệu đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 11/02/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà M và ông H có thỏa thuận: Bà M có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*. Trong đó: có 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* tiền vốn và đồng ý trả cho ông H số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Tuy nhiên, bà M trình bày bà không đồng ý hoàn trả một lần toàn bộ số tiền nợ trong thời gian ngắn vì bản thân không có khả năng, trong giấy nợ không có thời hạn hoàn trả và việc tòa án cấp sơ thẩm không xem xét hướng xử lý cắt đất để trừ tiền nợ theo thỏa thuận trước đây giữa hai bên.

Đối với kháng cáo của bà M xin trả nợ theo từng tháng là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật. Ông H cũng không đồng ý với yêu cầu này của bà M nên không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà M về việc xem xét lại thỏa thuận cắt đất để trừ tiền nợ của hai bên trước đây để làm cơ sở cho việc xử lý nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo biên nhận mượn tiền ngày 21/01/2021 có nội dung "*Nếu không có khả năng thanh toán tôi sẽ cắt một phần đất trên cho ông H theo tỉ lệ với số tiền mượn ở trên cho ông H theo tỉ lệ với số tiền tôi mượn ở trên*", việc thỏa thuận không cụ thể, không phải là hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là để làm tin. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không đồng ý việc bà M cho rằng sẽ giao đất để trừ nợ. Ông H cũng không đồng ý việc bà M xin trả dần số nợ.

[2] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Tuyết M là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Tuyết M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 05/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Tuyết M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Tuyết M;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 05/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu buộc bà Huỳnh Tuyết M phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng là tiền lãi.

2. Buộc bà Huỳnh Tuyết M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H tổng số tiền là: 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, gồm: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng tiền gốc và 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 17.500.000 (Mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.811.500 (Mười một triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0007443 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Tuyết M phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010408 ngày 11 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang **Lê Văn Phận** **Phạm Văn Ngọt**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt